

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ - ST

Ngày 15/9/2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm và ông Lương Quang Toán

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Anh – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn V, xã B, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn anh Hoàng Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Hoàng Minh T và chị Nguyễn Thị H qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2024, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 04/3/2024. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống ở thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang được một thời gian. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế

khó khăn, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xảy ra cãi vã, dẫn tới ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Kể từ khi ly thân, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Có 01 con là Hoàng Minh K, sinh ngày 01/4/2024, hiện đang ở cùng chị H, khi ly hôn anh T giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (chị H đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Minh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 235, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Minh T, cho anh Hoàng Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 01/4/2024 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định.

+ Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Anh Tuấn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định; chị H không phải chịu án phí.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H; Chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã N thì chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã N, tỉnh Tuyên Quang nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú và không thông báo địa chỉ cụ thể. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị H đến Tòa án để làm việc nhưng chị H vắng mặt không có lý do, đây được xác định là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Minh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Minh T và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 04/3/2024. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Y, xã T (nay là thôn Y, xã N), tỉnh Tuyên Quang một thời gian. Quá trình chung sống do có nhiều mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị H.

Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn T1, là bố đẻ chị H (BL.44) và đại diện của thôn Y, xã N (BL.45) thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh từ khoảng tháng 5/2024, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Xác định kể từ khi ly thân giữa anh chị đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Minh T, cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh T và chị H có 01 con chung là Hoàng Minh K, sinh ngày 01/4/2024, cháu K ở cùng chị H kể từ khi anh chị ly thân. Nay ly hôn anh T đề nghị giao cháu K cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Qua nội dung lời khai của anh T, cung cấp của đại diện thôn Y và đại diện của gia đình chị Nguyễn Thị H xác định cháu Hoàng Minh K chưa đủ 36 tháng tuổi và ở cùng chị H kể từ khi anh chị ly thân (từ tháng 5 năm 2024) cho đến nay. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu K cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Anh Hoàng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định; chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều

51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Minh T.

1. Về Hôn nhân: Cho anh Hoàng Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 04/3/2024 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, nay là UBND xã N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 01/4/2024 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Hoàng Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hoàng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000138 ngày 23/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (anh T đã nộp đủ tiền án phí). Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 - Tuyên Quang;
- THA Dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Nà Hang (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Tiến

